

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM THUẬN NAM  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 08/12/2020  
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nàng Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thông Minh Tấn;
2. Ông Nguyễn Thanh Phương;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Duy Khánh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hàm Thuận Nam tham gia phiên tòa:**

Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2020/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị A – sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố B, thị trấn C, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

**- Bị đơn:** Ông Võ Văn D – sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố B, thị trấn C, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị A trình bày: bà và ông Võ Văn D tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1997, do không hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng từ 03 năm trở lại đây, ông D đam mê cờ bạc, ngoài ra còn quan hệ với nhiều người phụ nữ bên ngoài, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung tên Võ Thị Thu E, sinh ngày 01/7/1997 và Võ Thị Thu F sinh ngày 29/12/1999. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết bị đơn là ông Võ Văn D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị A tự nguyện chung sống từ năm 1997, không có

đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Hiện nay hai bên vẫn còn ở chung một nhà, nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, nay bà A yêu cầu ly hôn nên ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà A có 02 con chung tên Võ Thị Thu E, sinh ngày 01/7/1997 và Võ Thị Thu F sinh ngày 29/12/1999. Hiện nay 02 con đã có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

*Về nội dung vụ án:*

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị A và ông Võ Văn D;

Về con chung: Ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị A có 02 con chung tên Võ Thị Thu E, sinh ngày 01/7/1997 và Võ Thị Thu F sinh ngày 29/12/1999. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A nộp đơn xin ly hôn với ông Võ Văn D (Cư trú tại: Tổ 2, khu phố B, thị trấn C, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận), căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Văn D vắng mặt; tuy nhiên trong biên bản Tòa án lấy lời khai ngày 28 tháng 7 năm 2020, ông Võ Văn D đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt ông. Do đó, căn cứ khoản

1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Văn D theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy: bà Nguyễn Thị A và ông Võ Văn D chung sống với nhau từ năm 1997. Tại thời điểm chung sống hai bên đã hội đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Điều này được các bên thừa nhận và được chính quyền địa phương nơi các bên chung sống xác nhận tại Văn bản số 252/UBND ngày 17/9/2020 và Biên bản xác minh ngày 07/12/2020 của UBND thị trấn C, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông D không được pháp luật công nhận là vợ chồng và cũng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, hiện nay bà Nguyễn Thị A và ông Võ Văn D đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm để chung sống với nhau. Do vậy, cần áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị A và ông Võ Văn D.

[3.2] Về yêu cầu nuôi con: Bà Nguyễn Thị A và ông Võ Văn D có 02 người con chung tên Võ Thị Thu E, sinh ngày 01/7/1997 và Võ Thị Thu F sinh ngày 29/12/1999 đã trưởng thành và có gia đình riêng. Bà A và ông D đều không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản và nghĩa vụ chung: bà Nguyễn Thị A và ông Võ Văn D không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị A chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị A và ông Võ Văn D.

**2. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008543 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Bà Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự*
- *VKSND Hàm Thuận Nam*
- *VKSND tỉnh Bình Thuận*
- *THADS Hàm Thuận Nam*
- *Lưu*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Nàng Hương**